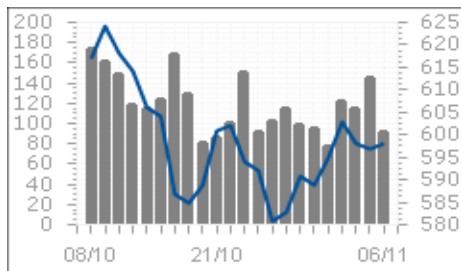


HOSE

06/11/2014

VNINDEX	597.85	0.84	0.14%
KLGD	93,438,549	CP	
GTGD	1,609.60	Tỷ	
GTR NDTNN	10.43	Tỷ	
CP Tăng giá	117	CP	
CP Giảm giá	85	CP	
CP Đứng giá	102	CP	



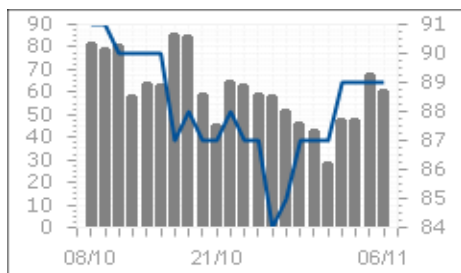
Tâm điểm

- ▶ **Chỉ số 2 sàn phục hồi nhẹ, nhưng thanh khoản trên cả 2 sàn sụt giảm**
- ▶ **Thanh khoản 2 sàn sụt giảm đạt hơn 2400 tỷ đồng**
 NĐT Nước ngoài mua ròng nhẹ trên cả 2 sàn
- ▶ **Doanh nghiệp không lỗ mới được vay nước ngoài**
 Bộ Tài chính vừa ban hành Quy chế cho các khoản vay nợ nước ngoài DVO
- ▶ **Doanh nghiệp xăng dầu đang lãi hơn 1000 đồng/lít**
 Sẽ điều chỉnh giá xăng dầu theo nghị định 83/2014 Tuổi trẻ Online
- ▶ **Mỹ: Thắng lợi của đảng Cộng hòa và triển vọng TPP**
 Đảng Cộng hòa dành thắng lợi trong cuộc bầu cử Quốc hội giữa kỳ tại Mỹ 5-11 DVO
- ▶ **GEM cam kết đầu tư 1,700 tỷ đồng vào Hoàng Anh Gia Lai**
 Thông tin sơ bộ trước giờ diễn ra buổi lễ ký kết hợp đồng đầu tư giữa HAG và GEM Gafin
- ▶ **MHC: Phát hành gần 14 triệu cp để tăng vốn gấp đôi**
 Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường mới đây của CTCP M.H.C DVO

HNX

06/11/2014

HNXINDEX	89.32	0.64	0.72%
KLGD	61,820,546	CP	
GTGD	840.01	Tỷ	
GTR NDTNN	0.09	Tỷ	
CP Tăng giá	111	CP	
CP Giảm giá	74	CP	
CP Đứng giá	194	CP	



Thị trường / Ngành

	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Theo thị trường					
HOSE	1,073,255	14.6	2.9	19.6%	10.5%
HNX	146,110	14.8	1.9	8.9%	4.3%
Toàn bộ thị trường	1,219,365	15.3	3.2	20.2%	10.2%

Theo ngành

Nhựa, cao su & sợi	7,253	6.8	0.9	13.2%	8.7%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược &	20,225	9.6	1.5	16.0%	10.5%
Thép và sản phẩm thép	38,347	14.0	2.0	21.9%	10.7%
Khai khoáng	12,906	95.8	6.1	-3.7%	-3.1%
Vật liệu xây dựng & Nội thất	25,183	14.4	1.5	13.5%	7.6%
Xây dựng	32,681	64.1	1.3	-2.4%	1.8%
Máy công nghiệp	8,663	8.9	1.3	15.2%	10.4%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	11,172	8.9	1.5	18.4%	13.4%
Lốp xe	8,920	11.5	3.0	25.5%	11.0%
Nuôi trồng nông & hải sản	21,834	11.3	1.9	19.0%	6.6%
Thực phẩm	195,236	23.8	4.1	20.3%	15.9%
Dược phẩm	15,636	11.3	2.9	22.6%	14.9%
Phần mềm	17,649	10.6	2.3	21.7%	9.0%
Sản xuất & phân phối điện	28,496	9.6	1.4	15.9%	7.6%
Phân phối xăng dầu & khí đốt	203,846	16.6	5.4	33.0%	22.6%
Bảo hiểm nhân thọ	25,926	21.2	2.2	10.2%	2.1%
Môi giới chứng khoán	28,675	13.1	1.7	10.7%	7.6%
Ngân hàng	238,481	11.3	1.2	10.6%	0.9%
Bất động sản	191,584	17.5	4.1	23.8%	5.7%
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	50,038	11.3	2.3	22.5%	9.4%

VN30 & HNX30 INDEX

VN30	637.56	-0.12	-0.02%
HNX30	179.64	2.42	1.37%

VietinBankSc

306 Ba Trieu
 Hai Ba Trung
 Hanoi
 Vietnam
 Tel: (844) 3974 7952
 Fax: (844) 3974 1760
www.vietinbanksc.com.vn

Thông kê thị trường

- ▶ HOSE: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ HNX: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ Tổng hợp chỉ số ngành toàn thị trường

Trịnh Thị Thu Phương

thuphuong@vietinbanksc.com.vn

Doanh nghiệp không lỗ mới được vay nước ngoài

Doanh nghiệp xăng dầu đang lãi hơn 1000 đồng/lít

Mỹ: Thắng lợi của đảng Cộng hòa và triển vọng TPP

Trịnh Thị Thu Phương

thuphuong@vietinbanksc.com.vn

GEM cam kết đầu tư 1,700 tỷ đồng vào Hoàng Anh Gia Lai

MHC: Phát hành gần 14 triệu cp để tăng vốn gấp đôi

Ngân hàng Nam Á 9 tháng lãi trước thuế 170 tỷ đồng, bằng 81% kế hoạch

► Tin kinh tế

Bộ Tài chính vừa ban hành Quy chế xem xét, thẩm tra, chấp thuận các khoản vay nợ nước ngoài theo phương thức tự vay, tự trả của doanh nghiệp do Nhà nước sở hữu trên 50% vốn điều lệ. Cụ thể, theo Thông tư số 153/2014 Bộ Tài chính vừa ban hành, có 9 điều kiện, như: Khoản vay được Ngân hàng Nhà nước xác nhận nằm trong hạn mức vay nước ngoài tự vay, tự trả; Hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu trong báo cáo tài chính năm trước liền kề và quý gần nhất không vượt quá ba lần; Có phương án sử dụng vốn và phương án tài chính đảm bảo khả năng trả nợ; Không bị lỗ trong ba năm liền kề gần nhất...

Ông Bùi Ngọc Bảo, chủ tịch HĐQT Tập đoàn Xăng dầu VN cho biết đơn vị này sẽ điều chỉnh giá xăng dầu theo nghị định 83/2014. Theo đó, để phù hợp lợi ích của doanh nghiệp và người dân, ông Hải cho biết đã xin ý kiến của Bộ trưởng Bộ Công thương và các cơ quan chức năng để giảm giá xăng dầu sớm hơn. Theo Bloomberg, giá dầu trong phiên chiều 5-11 trên thị trường Châu Á tiếp tục giảm xuống mức 77.1 USD/thùng, mức thấp nhất trong 3 năm qua. Tuy nhiên, theo TS Ngô Trí Long, việc doanh nghiệp xăng dầu đang lãi hơn 1000đ/lít xăng mà vẫn chưa có động tĩnh giảm giá là chưa phù hợp với nguyện vọng của người tiêu dùng.

Thắng lợi của đảng Cộng hòa trong cuộc bầu cử Quốc hội giữa kỳ tại Mỹ hôm 5-11 làm dấy lên niềm hy vọng cuộc đàm phán đại diện về Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) sẽ sớm được kết thúc. Theo nhận định của ông Niels Marquardt, Giám đốc điều hành Phòng Thương mại Mỹ (AmCham) "đảng Cộng hòa ủng hộ rộng rãi tự do thương mại, ủng hộ TPP và thắng lợi của họ làm gia tăng kỳ vọng rằng TPP sẽ được phê chuẩn trong năm nay hoặc đầu năm tới" Do vậy, thắng lợi của Đảng Cộng hòa sẽ trao quyền đàm phán nhanh TPP, TTIP cho Tổng Thống Obama, trong khi Đảng Dân chủ lo ngại tự do thương mại sẽ gây trở ngại cho thị trường việc làm trong nước.

► Tin doanh nghiệp

Quý đầu tư Global Emerging Markets (GEM) cam kết đầu tư 1,700 tỷ đồng (khoảng 80 triệu USD) vào cổ phiếu HAG của Tập đoàn Hoàng Anh Gia Lai.

Đó là thông tin sơ bộ ban đầu được HAG phát đi trước giờ diễn ra buổi lễ ký kết hợp đồng đầu tư giữa HAG và GEM đang chuẩn bị diễn ra tại TPHCM vào chiều ngày 06/11/2014. Đáng chú ý, toàn bộ giao dịch dự kiến sẽ được hoàn tất trong ba tháng tới. Được biết, Quý đầu tư Global Emerging Market (GEM) là tập đoàn đầu tư của Mỹ với quy mô 3.4 tỷ USD, đã thực hiện thành công 305 giao dịch trên 65 quốc gia, là một tập đoàn đầu tư quản lý nhiều loại hình đầu tư đa dạng khắp toàn cầu.

Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường mới đây của CTCP M.H.C (HOSE: MHC) cho biết Công ty sẽ phát hành 13.6 triệu cổ phiếu để tăng vốn gấp đôi lên 271 tỷ đồng. Số cổ phiếu này sẽ được phát hành cho cổ đông hiện hữu với mức giá là 10,000 đồng/cp, tỷ lệ thực hiện quyền mua là 1:1. Thời gian phát hành sẽ được xác định sau khi nhận được chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng của UBCKNN. Dự kiến phát hành thành công, vốn điều lệ của MHC sẽ tăng gấp đôi lên 271 tỷ đồng. Với 135.5 tỷ đồng huy động thêm, MHC sẽ sử dụng 50 tỷ đồng để nâng cấp hệ thống kho bãi làm dịch vụ logistics phía sau hệ thống cảng khu vực Hải An; 20 tỷ đồng để mua xe tải và xe nâng; 65.5 tỷ đồng để bổ sung vốn lưu động.

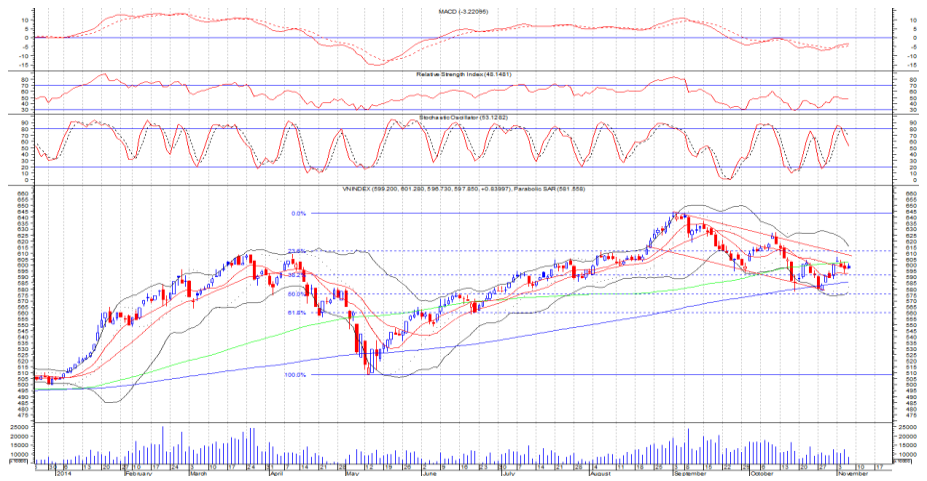
Ngân hàng TMCP Nam Á công bố báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất quý III/2014. Theo đó, tổng tài sản của ngân hàng Nam Á đến hết quý III là 33.745,7 tỷ đồng, tăng 17,25% so với đầu năm, bằng 84% kế hoạch năm. Tăng trưởng tín dụng của Nam Á đến hết quý III so với đầu năm là 32%, với tổng cho vay khách hàng đạt 15.267,25 tỷ đồng. Tăng trưởng huy động đạt 16,7%, với tổng tiền gửi của khách hàng đạt 15.967,6 tỷ đồng. Tỷ lệ nợ xấu cuối kỳ báo cáo của Nam Á là 2%. Quý III năm nay, thu nhập lãi thuần của ngân hàng Nam Á đạt 223,54 tỷ đồng, tăng 159% so với cùng kỳ năm trước.

HOSE 06/11/2014 VNINDEX 597.85 0.84 0.14% 93,438,549 CP 1,609.60 bil VND

Chỉ số 2 sàn hồi phục nhẹ nhưng thanh khoản lại sụt giảm

Chỉ số HNX-Index tăng 0.64 điểm (+0.72%), đóng cửa tại mốc 89.72 điểm. HNX-Index tạo thành cây nến xanh với thân ngắn, HNX-Index tăng điểm trở lại sau 2 phiên điều chỉnh liên tiếp.

- Chỉ báo Stochastic Oscillator sau khi cho tín hiệu bán tiếp tục sụt giảm.
- MACD gia tăng trở lại và cắt đường zero - base, đây là tín hiệu rất tích cực.
- RSI (14) tăng lên mức 56.
- MA10 và MA20 gia tăng trở lại, đây là tín hiệu rất tích cực.



HOSE Top 5 theo KLGD

FLC	-0.1 (-0.9%)	5,413,220
VHG	0.7 (4.5%)	4,784,100
HAG	0.4 (1.6%)	4,109,760
KBC	-0.1 (-0.6%)	3,800,670
TTF	0.6 (5.7%)	3,604,080

HOSE Top 5 theo % tăng

VCF	14 (7.0%)	1,770
KHA	1.6 (6.9%)	15,330
KSH	0.9 (6.9%)	659,070
FCM	0.8 (6.8%)	1,454,250
SRC	2.3 (6.7%)	461,170

HOSE Top 5 theo % giảm

RDP	-1.3 (-7.0%)	2,220
MCP	-1 (-6.0%)	20
SCD	-1.5 (-5.8%)	10
HAX	-0.5 (-5.6%)	910
PNC	-0.5 (-5.3%)	41,250

HOSE Top 5 Mua ròng NDTNN

MSN	19,6 tỷ	240,090
MWG	14,5 tỷ	145,140
IJC	9,9 tỷ	714,000
FLC	6,5 tỷ	580,000
PVD	3,6 tỷ	38,440

HOSE Top 5 Bán ròng NDTNN

SSI	-19,0 tỷ	620,800
KBC	-11,1 tỷ	664,630
KDC	-8,0 tỷ	127,000
BVH	-4,9 tỷ	127,770
PAN	-4,0 tỷ	100,000

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HOSE	84,950	10.43

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ Thị trường tích cực trở lại sau nhịp điều chỉnh 2 phiên vừa rồi, đà tăng mở rộng trên sàn. HNX-Index hồi phục nhẹ.
- ▶ KLGD sụt giảm mạnh và đạt 57 triệu. Thanh khoản sụt giảm khá mạnh, nó cho thấy nhà đầu tư vẫn đang khá thận trọng.
- ▶ Khối ngoại mua ròng với giá trị 90 triệu. Khối này mua mạnh PGS, PVS trong khi bán nhiều ở VND, SLS.
- ▶ HNX-Index nhiều khả năng sẽ tiếp tục tích lũy ở vùng điểm này. Chưa có nhiều kỳ vọng để HNX-Index có thể bứt phá khi lực cầu chưa có dấu hiệu nâng giá.
- ▶ NĐT cần nhắc nhịp điều chỉnh để cơ cấu lại danh mục, tránh việc mua đuổi giá khi thanh khoản vẫn chưa có sự bứt phá.

HOSE - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
GAS	1,895.0	104.0	197,080.00	17.0	5.6	33.6%	23.2%
VNM	1,000.1	104.0	104,012.33	17.0	4.7	34.1%	27.1%
VCB	2,665.0	27.2	72,488.55	15.9	1.4	10.6%	1.0%
VIC	1,453.1	48.1	69,891.93	14.3	2.6	27.6%	6.2%
MSN	735.8	82.0	60,336.27	-1,466.0	4.2	-0.3%	-0.1%
CTG	3,723.4	14.6	54,361.71	9.3	1.0	10.7%	1.0%
BID	2,811.2	13.1	36,826.75	9.0	1.1	12.3%	0.7%
PVD	303.0	94.0	28,485.47	12.1	2.3	22.7%	10.7%
HPG	481.9	55.0	26,504.95	8.5	2.3	30.2%	14.7%
BVH	680.5	38.1	25,925.96	21.2	2.2	10.2%	2.1%

HOSE - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

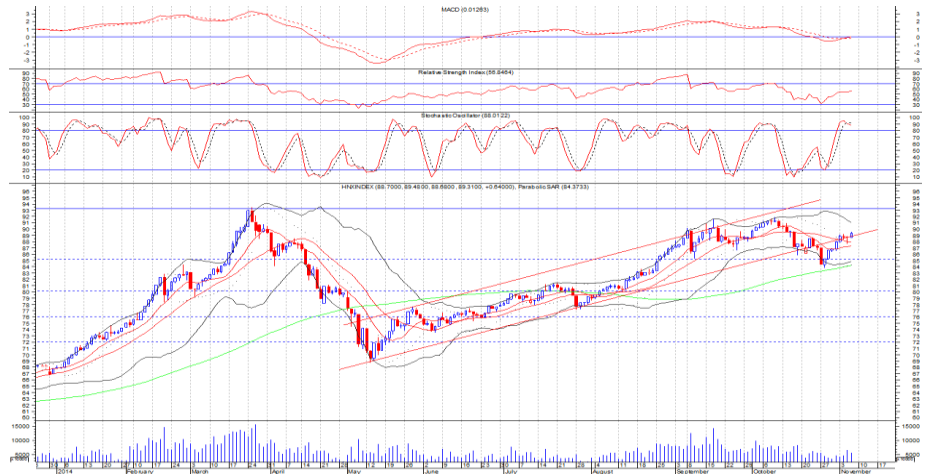
Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
TTF	73.5	11.2	823.19	34.1	0.9	NA	TH.DOI
HBC	52.7	16.9	890.50	20.4	0.9	NA	TH.DOI
CII	115.5	19.4	2,241.22	7.1	1.3	NA	TH.DOI
BMP	45.5	66.5	3,024.32	8.3	1.9	NA	TH.DOI
NHS	60.8	10.7	650.03	3.9	0.7	NA	TH.DOI
FDC	27.6	20.5	566.00	1.8	0.9	NA	TH.DOI

HNX 06/11/2014 HNX-Index 89.32 0.64 0.72% 61,820,546 CP 840.01 bil. VND

Chỉ số 2 sản hồi phục nhẹ nhưng thanh khoản lại sụt giảm

Chỉ số HNX-Index tăng 0.64 điểm (+0.72%), đóng cửa tại mốc 89.72 điểm. HNX-Index tạo thành cây nến xanh với thân ngắn, HNX-Index tăng điểm trở lại sau 2 phiên điều chỉnh liên tiếp.

- Chỉ báo Stochastic Oscillator sau khi cho tín hiệu bán tiếp tục sụt giảm.
- MACD gia tăng trở lại và cắt đường zero - base, đây là tín hiệu rất tích cực.
- RSI (14) tăng lên mức 56.
- MA10 và MA20 gia tăng trở lại, đây là tín hiệu rất tích cực.



HNX Top 5 theo KLGD

Code	KLGD (%)	KLGD (triệu)
SCR	0.3 (3.1%)	9,661,040
PVX	0.1 (1.6%)	8,642,760
KLF	-0.1 (-0.9%)	7,477,090
FIT	0.8 (2.8%)	3,175,070
HUT	0.6 (5.4%)	3,074,990

HNX Top 5 theo % tăng

Code	% tăng	Giá (điểm)
PRC	0.9 (10.0%)	100
PPP	1 (9.9%)	100
BXH	1 (9.8%)	300
L14	2.1 (9.8%)	93,720
GMX	1.2 (9.8%)	11,200

HNX Top 5 theo % giảm

Code	% giảm	Giá (điểm)
SKS	-1 (-10.0%)	800
VTH	-2.5 (-10.0%)	31,000
HBE	-0.4 (-9.8%)	100
SDN	-3.1 (-9.7%)	100
BBS	-1.6 (-9.5%)	3,700

HNX Top 5 Mua ròng NDTNN

Code	Mua ròng (tỷ)	Giá (điểm)
PGS	4,4	121,000
PVS	2,1	50,600
IVS	1,1	82,000
AAA	1,0	60,500
PVX	1,0	148,140

HNX Top 5 Bán ròng NDTNN

Code	Bán ròng (tỷ)	Giá (điểm)
VND	-7,2	514,900
SLS	-0,8	27,800
PVC	-0,7	19,000
PVE	-0,5	30,000
SHB	-0,4	44,700

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HNX	-187,567	0.09

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ Thị trường tích cực trở lại sau nhịp điều chỉnh 2 phiên vừa rồi, đã tăng mở rộng trên sàn. HNX-Index hồi phục nhẹ.
- ▶ KLGD sụt giảm mạnh và đạt 57 triệu. Thanh khoản sụt giảm khá mạnh, nó cho thấy nhà đầu tư vẫn đang khá thận trọng.
- ▶ Khối ngoại mua ròng với giá trị 90 triệu. Khối này mua mạnh PGS, PVS trong khi bán nhiều ở VND, SLS.
- ▶ HNX-Index nhiều khả năng sẽ tiếp tục tích lũy ở vùng điểm này. Chưa có nhiều kỳ vọng để HNX-Index có thể bứt phá khi lực cầu chưa có dấu hiệu nâng giá.
- ▶ NĐT cân nhắc nhịp điều chỉnh để cơ cấu lại danh mục, tránh việc mua đuổi giá khi thanh khoản vẫn chưa có sự bứt phá.

HNX - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE (%)	ROA (%)
PVS	446.7	40.9	18,270.05	10.3	2.2	21.7%	7.1%
ACB	909.8	15.6	14,192.58	25.4	1.1	4.4%	0.3%
SQC	107.3	80.0	8,583.92	69.5	8.5	-10.4%	-8.0%
SHB	886.1	8.8	7,797.53	8.9	0.7	8.2%	0.7%
VCG	441.7	12.9	5,698.07	10.0	1.0	10.4%	2.4%
OCH	200.0	24.9	4,980.00	81.6	2.5	2.8%	1.5%
PVI	225.2	18.0	4,052.85	14.0	0.7	4.7%	1.9%
NTP	56.3	49.5	2,788.79	7.4	2.1	22.9%	15.2%
VNR	131.1	20.9	2,739.49	8.8	0.8	12.7%	5.7%
PVX	400.0	6.4	2,560.00	2.0	3.4	-128.0%	-7.7%

HNX - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PGS	38.0	37.4	1,421.20	8.4	1.4	NA	TH.DOI
AAA	39.6	16.2	641.52	6.8	0.6	NA	TH.DOI
VND	100.0	14.0	1,399.98	12.3	1.2	NA	TH.DOI
NTP	56.3	49.5	2,788.79	7.4	2.1	NA	TH.DOI
PVC	50.0	33.7	1,685.00	10.2	1.9	NA	TH.DOI
DXP	7.9	43.5	342.56	8.2	1.5	NA	TH.DOI

FTSE Vietnam (UCITS ETF)

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
VIC	HOSE	1,453.1	69,891.93	15.75%	48.1	14.33	2.57	1,183,783	1,710,977	2,095,531
HPG	HOSE	481.9	26,504.95	13.53%	55.0	8.46	2.33	443,047	659,200	811,097
PVD	HOSE	303.0	28,485.47	11.69%	94.0	12.14	2.33	359,011	595,539	560,717
MSN	HOSE	735.8	60,336.27	11.42%	82.0	#####	4.17	167,785	220,674	242,079
HAG	HOSE	789.9	20,142.43	8.11%	25.5	10.54	1.36	3,229,761	3,415,895	3,813,759
STB	HOSE	1,142.5	21,593.47	6.47%	18.9	8.77	1.21	344,170	366,234	416,523
VCB	HOSE	2,665.0	72,488.55	5.75%	27.2	15.88	1.43	309,814	276,121	497,024
DPM	HOSE	379.9	11,360.03	4.79%	29.9	9.55	1.24	538,850	523,583	1,078,804
ITA	HOSE	718.9	6,110.70	2.96%	8.5	65.87	0.78	4,569,662	5,007,764	7,759,642
KBC	HOSE	389.8	6,509.00	2.57%	16.7	28.67	1.31	5,388,264	5,193,058	4,400,942
BVH	HOSE	680.5	25,925.96	2.30%	38.1	21.22	2.22	222,496	215,804	241,138
HSG	HOSE	96.3	4,863.81	2.06%	50.5	15.05	2.17	225,151	450,382	338,346
GMD	HOSE	116.1	3,937.08	1.83%	33.9	7.82	0.82	358,790	491,344	764,344
PPC	HOSE	318.2	8,017.50	1.68%	25.2	10.92	1.48	337,125	346,095	656,309
HVG	HOSE	132.0	4,382.39	1.56%	33.2	14.80	1.79	1,501,102	1,783,479	1,783,373
CSM	HOSE	67.3	3,055.06	1.50%	45.4	8.72	2.39	133,583	167,657	255,746
PVT	HOSE	255.9	4,554.26	1.48%	17.8	18.98	1.42	1,774,584	1,877,799	2,306,880
DRC	HOSE	83.1	5,192.12	1.48%	62.5	14.90	3.60	64,200	108,657	185,393
VSH	HOSE	206.2	2,990.50	1.31%	14.5	14.16	1.11	518,551	482,300	700,725
DIG	HOSE	178.7	2,520.29	1.01%	14.1	68.12	0.84	827,616	1,046,185	943,877
OGC	HOSE	300.0	2,790.00	0.76%	9.3	33.96	0.87	8,639,233	6,206,594	4,824,007

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

DB Platinum Advisors
FTST Vietnam Index

Ngày lập quỹ **15/01/2008**
Ngày lập chỉ số **14/05/2007**

SLCKVN **22/22**
TGTTSQL **361 mil.**

Market Vectors Vietnam ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
VIC	HOSE	1,453.1	69,891.93	8.28%	48.1	14.33	2.57	1,183,783	1,710,977	2,095,531
MSN	HOSE	735.8	60,336.27	8.09%	82.0	#####	4.17	167,785	220,674	242,079
VCB	HOSE	2,665.0	72,488.55	6.66%	27.2	15.88	1.43	309,814	276,121	497,024
STB	HOSE	1,142.5	21,593.47	6.34%	18.9	8.77	1.21	344,170	366,234	416,523
PVS	HNX	446.7	18,270.05	5.45%	40.9	10.33	2.19	2,203,902	2,707,850	3,849,225
BVH	HOSE	680.5	25,925.96	4.54%	38.1	21.22	2.22	222,496	215,804	241,138
DPM	HOSE	379.9	11,360.03	4.18%	29.9	9.55	1.24	538,850	523,583	1,078,804
PVD	HOSE	303.0	28,485.47	4.04%	94.0	12.14	2.33	359,011	595,539	560,717
HAG	HOSE	789.9	20,142.43	3.68%	25.5	10.54	1.36	3,229,761	3,415,895	3,813,759
ITA	HOSE	718.9	6,110.70	2.96%	8.5	65.87	0.78	4,569,662	5,007,764	7,759,642
PPC	HOSE	318.2	8,017.50	2.75%	25.2	10.92	1.48	337,125	346,095	656,309
FLC	HOSE	314.9	3,495.32	2.56%	11.1	8.52	0.80	9,011,251	9,500,353	15,114,939
SHB	HNX	886.1	7,797.53	2.53%	8.8	8.91	0.71	2,640,814	4,520,335	5,019,431
VCG	HNX	441.7	5,698.07	2.03%	12.9	9.96	1.02	1,326,274	1,313,288	1,449,723
OGC	HOSE	300.0	2,790.00	1.69%	9.3	33.96	0.87	8,639,233	6,206,594	4,824,007
PVT	HOSE	255.9	4,554.26	1.61%	17.8	18.98	1.42	1,774,584	1,877,799	2,306,880
DRC	HOSE	83.1	5,192.12	0.95%	62.5	14.90	3.60	64,200	108,657	185,393
IJC	HOSE	274.2	3,811.30	0.62%	13.9	22.54	1.29	753,121	670,401	1,639,191
PVX	HNX	400.0	2,560.00	0.00%	6.4	- 2.03	3.40	5,260,018	6,755,287	9,549,570

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

Van Eck Global
Market Vector Vietnam Index

Ngày lập quỹ **08/11/2009**
Ngày lập chỉ số **24/11/2008**

SLCKVN **17/27**
TGTTSQL **439.5 mil.**

MSCI Frontier Market Index ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
VIC	HOSE	1,453.1	69,891.93	0.00%	48.1	14.33	2.57	1,183,783	1,710,977	2,095,531
MSN	HOSE	735.8	60,336.27	0.00%	82.0	#####	4.17	167,785	220,674	242,079
DPM	HOSE	379.9	11,360.03	0.00%	29.9	9.55	1.24	538,850	523,583	1,078,804
HAG	HOSE	789.9	20,142.43	0.00%	25.5	10.54	1.36	3,229,761	3,415,895	3,813,759
VCB	HOSE	2,665.0	72,488.55	0.00%	27.2	15.88	1.43	309,814	276,121	497,024
STB	HOSE	1,142.5	21,593.47	0.00%	18.9	8.77	1.21	344,170	366,234	416,523
BVH	HOSE	680.5	25,925.96	0.00%	38.1	21.22	2.22	222,496	215,804	241,138
CTG	HOSE	3,723.4	54,361.71	0.00%	14.6	9.32	1.02	440,231	351,727	390,564
GAS	HOSE	1,895.0	197,080.00	0.00%	104.0	17.03	5.58	258,948	459,637	404,041

Công ty quản lý: **Royal Bank of Scotland** Ngày lập quỹ: **19/09/2011** SLCKVN: **9/142**
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI Frontier Markets Index** Ngày lập chỉ số: **30/11/2007** TGTSQL: **22.25 mil.**

iShares MSCI Frontier 100 Index Fund

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	735.8	60,336.27	0.88%	82.0	#####	4.17	167,785	220,674	242,079
VIC	HOSE	1,453.1	69,891.93	0.56%	48.1	14.33	2.57	1,183,783	1,710,977	2,095,531
STB	HOSE	1,142.5	21,593.47	0.31%	18.9	8.77	1.21	344,170	366,234	416,523
VCB	HOSE	2,665.0	72,488.55	0.24%	27.2	15.88	1.43	309,814	276,121	497,024
DPM	HOSE	379.9	11,360.03	0.15%	29.9	9.55	1.24	538,850	523,583	1,078,804
BVH	HOSE	680.5	25,925.96	0.08%	38.1	21.22	2.22	222,496	215,804	241,138

Công ty quản lý: **iShares** Ngày lập quỹ: **12/09/2012** SLCKVN: **6/102**
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI Frontier 100 Index** Ngày lập chỉ số: **30/11/2007** TGTSQL: **519.45 mil.**

iShares MSCI Vietnam Investable Market Index Fund ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
-------	-----	-------------------	-----------------	----------	---------------	-------------	-------------	---------------------	---------------------	---------------------

Công ty quản lý: **iShares** Ngày lập quỹ: SLCKVN
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI VN Investable Market Indx** Ngày lập chỉ số: **01/12/2010** TGTSQL: **4,752.96 mil.**

06 November 2014

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Hóa chất & Tài nguyên cơ bản					
Hóa Chất					
Nhựa, cao su & sợi	7,253	6.8	0.9	13.2%	8.7%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất khác	20,225	9.6	1.5	16.0%	10.5%
Lâm nghiệp và giấy					
Lâm sản và Chế biến gỗ	2,913	28.1	0.9	3.4%	1.6%
Sản xuất giấy	912	6.7	1.0	14.1%	7.5%
Kim loại					
Thép và sản phẩm thép	38,347	14.0	2.0	21.9%	10.7%
Khai khoáng					
Khai thác than	1,912	3.5	1.0	22.0%	5.3%
Khai khoáng	12,906	95.8	6.1	-3.7%	-3.1%
Xây dựng và vật liệu					
Xây dựng và vật liệu					
Vật liệu xây dựng & Nội thất	25,183	14.4	1.5	13.5%	7.6%
Xây dựng	32,681	64.1	1.3	-2.4%	1.8%
Hàng và dịch vụ công nghiệp					
Hàng công nghiệp					
Containers & Đóng gói	2,241	9.5	1.2	15.9%	8.0%
Công nghiệp phức hợp	1,227	8.1	1.3	16.6%	12.4%
Điện tử và thiết bị điện					
Hàng điện & điện tử	1,508	7.1	1.0	13.3%	6.7%
Thiết bị điện	2,116	38.5	1.1	2.8%	0.5%
Công nghiệp nặng					
Xe tải & Đóng tàu	46	15.1	0.6	4.1%	2.9%
Máy công nghiệp	8,663	8.9	1.3	15.2%	10.4%
Vận tải					
Vận tải thủy	9,798	3.4	1.1	4.1%	1.3%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	11,172	8.9	1.5	18.4%	13.4%
Dịch vụ vận tải	6,536	8.9	1.6	19.1%	11.9%
Tư vấn & hỗ trợ kinh doanh					
Tư vấn & Hỗ trợ KD	4,870	11.7	1.6	17.2%	8.2%
Đào tạo & Việc làm	263	10.4	0.8	8.6%	3.1%
Nhà cung cấp thiết bị	197	9.0	0.9	12.0%	4.9%
Chất thải & Môi trường	178	2.7	0.8	33.9%	16.3%
Ô tô và Phụ tùng					
Ô tô và Phụ tùng					
Sản xuất ô tô	2,188	13.4	1.3	14.5%	7.2%
Lốp xe	8,920	11.5	3.0	25.5%	11.0%
Thực phẩm và đồ uống					
Bia và đồ uống					
Sản xuất bia	1,555	7.0	1.2	17.4%	9.3%
Vang & Rượu mạnh	330	14.3	2.2	16.7%	10.4%
Đồ uống & giải khát	231	6.5	1.1	14.6%	9.7%
Sản phẩm thực phẩm					
Nuôi trồng nông & hải sản	21,834	11.3	1.9	19.0%	6.6%
Thực phẩm	195,236	23.8	4.1	20.3%	15.9%
Hàng cá nhân và gia dụng					
Hàng gia dụng					
Đồ gia dụng lâu bền	72	20.3	0.9	4.4%	3.2%
Thiết bị gia dụng	2,711	9.3	1.5	15.0%	7.4%
Hàng hóa giải trí					
Điện tử tiêu dùng	560	35.4	1.4	3.9%	2.7%
Hàng cá nhân					
Hàng may mặc	3,614	8.8	1.8	19.7%	7.7%
Giày dép	10	1.4	0.6	-33.3%	-19.0%
Hàng cá nhân	6,040	11.4	2.0	17.9%	9.1%
Thuốc lá					
Thuốc lá	697	8.0	1.1	1.7%	4.3%

06 November 2014

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Y tế					
Thiết bị và dịch vụ y tế					
Thiết bị y tế	1,980	18.1	1.1	6.4%	3.7%
Dụng cụ y tế	166	3.4	1.8	36.6%	16.5%
Dược phẩm					
Công nghệ sinh học	204	9.1	1.2	13.8%	10.1%
Dược phẩm	15,636	11.3	2.9	22.6%	14.9%
Bán lẻ					
Phân phối thực phẩm và dược					
Phân phối thực phẩm	262	-	41.6	0.9	-2.0%
Bán lẻ					
Bán lẻ phức hợp	724	9.9	1.2	13.9%	8.1%
Phân phối hàng chuyên dụng	2,983	10.3	1.7	18.3%	3.6%
Truyền thông, Du lịch và Giải trí					
Truyền thông					
Dịch vụ truyền thông	10	2.7	0.5	18.3%	11.3%
Sách, ấn bản & sản phẩm văn hóa	1,119	10.3	1.0	9.3%	6.7%
Du lịch và giải trí					
Hàng không	-	#DIV/0!	#DIV/0!	#DIV/0!	#DIV/0!
Khách sạn	5,572	71.7	2.5	2.9%	1.7%
Dịch vụ giải trí	3,673	21.8	1.3	11.1%	9.5%
Vận tải hành khách & Du lịch	2,721	18.4	3.5	23.5%	20.3%
Viễn Thông & Công nghệ thông tin					
Viễn thông cố định					
Viễn thông cố định	68	15.9	0.5	3.1%	1.6%
Phần mềm và dịch vụ máy tính					
Dịch vụ máy tính	766	18.3	1.0	5.6%	2.0%
Internet	333	70.2	0.8	1.1%	0.2%
Phần mềm	17,649	10.6	2.3	21.7%	9.0%
Thiết bị và phần cứng					
Phần cứng	484	15.3	0.8	4.7%	1.8%
Thiết bị văn phòng	301	5.7	1.1	19.5%	14.9%
Thiết bị viễn thông	13,054	33.8	6.9	34.1%	11.5%
Điện nước, xăng dầu và khí đốt					
Sản xuất & phân phối điện					
Sản xuất & phân phối điện	28,496	9.6	1.4	15.9%	7.6%
Nước & khí đốt					
Phân phối xăng dầu & khí đốt	203,846	16.6	5.4	33.0%	22.6%
Nước	1,215	6.5	1.1	16.9%	11.6%
Bảo hiểm, Dịch vụ tài chính, Ngân hàng, Bất động sản					
Bảo hiểm phi nhân thọ					
Bảo hiểm phức hợp	1,420	8.2	1.0	11.6%	3.6%
Bảo hiểm phi nhân thọ	6,844	12.3	0.8	6.4%	2.6%
Tái bảo hiểm	2,753	8.8	0.8	12.7%	5.7%
Bảo hiểm nhân thọ					
Bảo hiểm nhân thọ	25,926	21.2	2.2	10.2%	2.1%
Dịch vụ tài chính					
Tài chính đặc biệt	2,992	36.1	1.0	2.7%	0.9%
Môi giới chứng khoán	28,675	13.1	1.7	10.7%	7.6%
Ngân hàng					
Ngân hàng	238,481	11.3	1.2	10.6%	0.9%
Bất động sản					
Bất động sản	191,584	17.5	4.1	23.8%	5.7%
Tư Vấn, Định giá, Môi giới Bất động sản	9	2.3	0.7	32.7%	12.3%
Dầu khí					
Thiết bị, dịch vụ và phân phối					
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	50,038	11.3	2.3	22.5%	9.4%

- ▶ **Nguyễn Hữu Quang** **Giám đốc Nghiên cứu & Tư vấn Đầu tư**
quangnh@vietinbanksc.com.vn
- ▶ **Trịnh Thị Thu Phương** thuphuong@vietinbanksc.com.vn
- Tổng hợp thông tin vĩ mô
- ▶ **Nguyễn Thu Hằng** hangntt@vietinbanksc.com.vn
- Ngân hàng
- Dược phẩm
- Phân bón
- Nước giải khát
- ▶ **Nguyễn Quang Sắc** sacnq@vietinbanksc.com.vn
- Phân tích kỹ thuật
- Nhận định, bình luận thị trường
- ▶ **Vũ Ánh Nguyệt** nguyetva@vietinbanksc.com.vn
- Cao su
- Thủy sản
- Dệt may
- Mía đường

Bản báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. VietinBankSc tuyệt đối không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào của bản báo cáo này.

Toàn bộ các quan điểm thể hiện trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích. Không có bất kỳ một phần thu nhập nào của người phân tích liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các khuyến cáo hay quan điểm cụ thể trong bản báo cáo này.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được VietinBankSc thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo rằng những thông tin này là hoàn chỉnh hoặc chính xác. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Bản báo cáo này được giữ bản quyền và là tài sản của VietinBankSc. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của VietinBankSc đều trái luật.

Bản quyền thuộc VietinBankSc, 2013. Vui lòng trích nguồn khi sử dụng các thông tin trong bản báo cáo này.